

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA 2020**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP
GIẢNG DẠY TIẾNG ANH DÀNH CHO GIÁO VIÊN
CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN NGỮ**

Hà Nội, Tháng 7/2013

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH DÀNH CHO GIÁO VIÊN CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN NGỮ

Chỉ đạo nội dung:

GS. Nguyễn Hoà
TS. Đỗ Tuấn Minh
TS. Lê Văn Canh

Nhóm biên soạn:

TS. Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
TS. Lê Văn Canh
TS. Đỗ Tuấn Minh
ThS. Trần Thị Thu Hiền
ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Yến
ThS. Nguyễn Chí Đức
ThS. Nguyễn Hoàng Lan
ThS. Phạm Minh Tâm
ThS. Nguyễn Minh Tuấn
ThS. Khoa Anh Việt
ThS. Trịnh Hải Tuấn
Nguyễn Tiến Dũng

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	4
1.1. Bối cảnh chung.....	4
PHẦN 2. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	6
2.1. Cơ sở pháp lý	6
2.2. Cơ sở lý luận.....	6
2.3. Cơ sở thực tiễn.....	10
2.4. Đề suất nội dung tập huấn dựa trên các dữ liệu thu thập được	15
PHẦN 3. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH...16	
3.1. Đối tượng tham gia Chương trình	16
3.2. Mục tiêu của Chương trình	16
3.3. Phương pháp xây dựng Chương trình - Mô hình ADDIE	17
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	19
4.1. Cấu trúc của Chương trình.....	19
4.2. Phương pháp tập huấn chung của Chương trình.....	20
4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá người học	21
4.4. Mô tả cụ thể các mô-đun.....	22
PHẦN 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	29
5.1. Tài liệu tham khảo chung	29
5.2. Tài liệu tham khảo Mô-đun 1.....	30
5.3. Tài liệu tham khảo Mô-đun 2.....	30
5.4. Tài liệu tham khảo Mô-đun 3.....	30
5.5. Tài liệu tham khảo Mô-đun 4.....	30
5.6. Tài liệu tham khảo Mô-đun 5.....	31

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH DÀNH CHO GIÁO VIÊN CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN NGỮ

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Bối cảnh chung

Chương trình Bồi dưỡng Phương pháp Giảng dạy cho Giáo viên Tiếng Anh tại các Trường Cao Đẳng và Đại học Không Chuyên Ngữ (dưới đây được gọi tắt là Chương trình) được xây dựng bởi Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội theo yêu cầu của Đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020. Mục đích của chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng, và năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của giáo viên dạy tiếng Anh tại các trường Cao đẳng và Đại học không chuyên ngữ, đáp ứng nhu cầu dạy và học tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục này.

Chương trình được thiết kế dựa trên các cơ sở sau:

- cơ sở pháp lý của các chính sách, văn bản pháp lý của Chính Phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020 về chuẩn của giáo viên dạy tiếng Anh tại các trường Cao Đẳng, Đại học và Trung học chuyên nghiệp;

- cơ sở lý luận từ Khung năng lực Giáo viên Tiếng Anh (English Teacher Competencies Framework) (Dudzik & Tran, 2012; National Foreign Language Project 2020, 2013), và lý luận về Situated Learning Theory (Thuyết học theo tình huống thật) của Lave & Wenger (1991).

- cơ sở thực tiễn từ kết quả nghiên cứu thực tế việc dạy và học và nhu cầu của giáo viên dạy tiếng Anh cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ; và

Với thời lượng 50 giờ học, Chương trình bao gồm 5 mô-đun có quan hệ chặt chẽ với nhau:

Mô-đun 1: Giảng dạy Tiếng Anh ở các trường Đại học và Cao đẳng không chuyên ngữ: Các vấn đề phương pháp luận;

Mô-đun 2: Dạy từ vựng và phát triển kỹ năng Đọc hiểu cho đối tượng sinh viên học tiếng Anh không chuyên ngữ;

Mô-đun 3: Lựa chọn và phát triển nguồn học liệu cho sinh viên cao đẳng và đại học không chuyên ngữ;

Mô-đun 4: Quản lý lớp học Tiếng Anh ở các trường Đại học và Cao đẳng không chuyên ngữ

Mô-đun 5: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ngoại ngữ.

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Khảo thí và Bồi dưỡng giáo viên

Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội

Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (844) 37547851; Fax: (844) 37548057

Email: ngquynh@gmail.com; Website: www.ulis.edu.vn

PHẦN 2. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Cơ sở pháp lý

Chương trình được xây dựng dựa trên một số quy định, chính sách của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020.

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Căn cứ luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục.
- Ngày 30/9/2008, Thủ tướng Chính phủ đã kí Quyết định số 1400/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Dạy và học Ngoại ngữ trong Hệ thống Giáo dục Quốc dân giai đoạn 2008-2020 (gọi tắt là 'Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020).
- Công văn số 78/CV-ĐANN ngày 29/3/2013 của Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc Gia 2020 gửi Trường Đại học Quốc gia Hà Nội về việc hướng dẫn nhiệm vụ và dự toán kinh phí triển khai Đề án Ngoại ngữ năm 2013.

2.2. Cơ sở lý luận

Quá trình thiết kế Chương trình bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy cho các giáo viên dạy tiếng Anh tại các trường Cao đẳng và Đại học không chuyên ngữ xuất phát từ những câu hỏi cơ bản sau:

- Why? – Khoá tập huấn hướng tới mục tiêu gì?
- What? – Những nội dung gì cần được tập huấn? và
- How? – Phương pháp tập huấn nào là phù hợp?

Việc tìm giải đáp cho các câu hỏi này được dựa trên một số lý thuyết, quan điểm khoa học về giáo dục nói chung và lý thuyết về dạy và học ngôn ngữ thứ hai nói riêng.

2.2.1. WHY? – Phát triển Năng lực chuyên môn thích ứng (Adaptive Expertise) ở mỗi người giáo viên

Quan điểm bao trùm về mục tiêu hướng tới khi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên nói chung và giáo viên dạy bộ môn tiếng Anh ở các trường Cao đẳng và Đại học không chuyên ngữ nói riêng là phát triển Năng lực chuyên môn Thích ứng với hoàn cảnh (Adaptive Expertise) ở mỗi người giáo viên. Quan điểm này được khởi xướng bởi một

số nhà lý luận học người Nhật trong những năm 1980 (Hatano & Inagaki, 1986), phân biệt giữa hai loại chuyên gia ở một lĩnh vực nhất định như sau:

Loại chuyên gia thứ nhất là những 'chuyên gia theo thông lệ' (routine experts), là những người am hiểu tường tận những quy định và nguyên tắc của công việc chuyên môn của họ, và áp dụng những nguyên tắc đó lặp đi lặp lại và theo đúng thông lệ, có thể thêm một số mẹo hay chiến lược cá nhân ở những thời điểm nhất định.

Loại chuyên gia thứ hai là những chuyên gia thích ứng (adaptive experts), là những người am hiểu các quy định, nguyên tắc chuyên môn, nhưng luôn muốn tìm tòi những gì họ còn chưa biết, và sáng tạo ra những cách làm mới. Điểm khác biệt cơ bản với các chuyên gia theo thông lệ (routine experts) là họ có khả năng áp dụng kiến thức, nguyên tắc cơ bản của chuyên ngành một cách có hiệu quả trong việc giải quyết những vấn đề khác biệt, thậm chí bất thường phát sinh trong công việc chuyên môn của mình. Họ có khả năng tận dụng những kiến thức chuyên môn của mình để sáng tạo ra những quy trình, cách thực hiện mới để giải quyết những vấn đề riêng nhất trong hoàn cảnh, điều kiện chuyên môn của cá nhân họ, chứ không đơn thuần chỉ áp dụng dập khuôn theo những quy trình sẵn có (Holyoak, 1991). Khả năng thích ứng này cũng cho phép họ nhận ra được khi nào những quy tắc, nguyên tắc chung không áp dụng được vào hoàn cảnh thực tế của họ, và biến đó thành cơ hội để sáng tạo ra giải pháp riêng.

Khả năng thích ứng theo hoàn cảnh này rất cần thiết đối với người giáo viên hiện đại nói chung, và với các giáo viên dạy tiếng Anh ở các trường cao đẳng, đại học không chuyên ngữ nói riêng. Đặc biệt, trong bối cảnh không có một giải pháp giáo dục nào có thể phù hợp được với mọi hoàn cảnh ('no one size fits all') thì người giáo viên cần phải biết linh hoạt áp dụng các lý thuyết, nguyên tắc sư phạm sao cho phù hợp với điều kiện dạy và học của riêng mình, tạo nên hiệu quả giáo dục chứ không chỉ dừng lại ở việc áp dụng dập khuôn, máy móc và lặp lại các quy trình đã có sẵn.

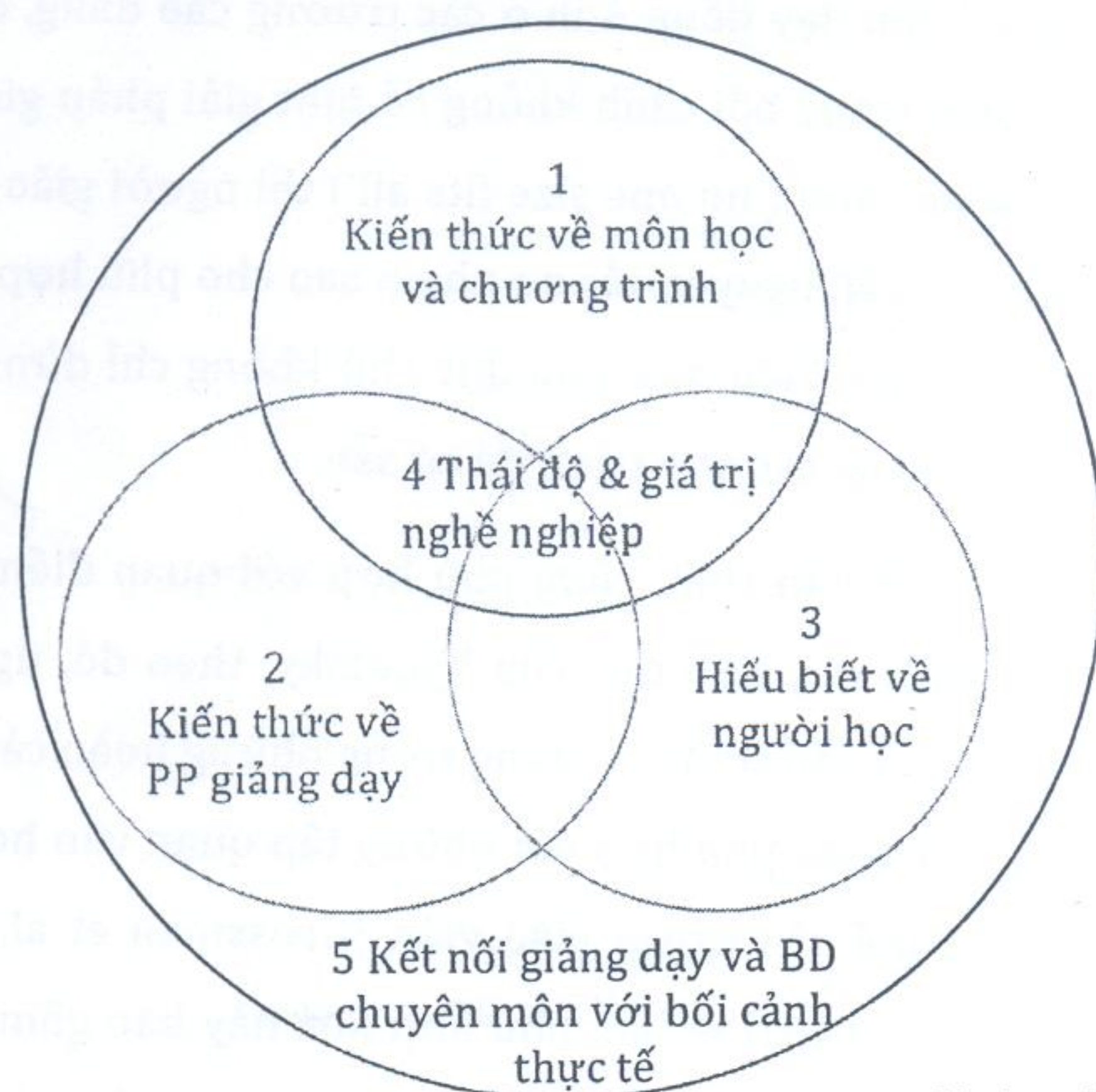
Khả năng thích ứng này, về bản chất, cũng phù hợp với quan điểm về quá trình 'phù hợp hoá' (appropriation) trong giáo dục của Vygotsky, theo đó, người giáo viên 'lựa chọn những công cụ sư phạm sẵn có để sử dụng trong những hoàn cảnh xã hội nhất định' và 'tiếp nhận những quan điểm phù hợp với những tập quán văn hoá cụ thể', tình huống, điều kiện sư phạm cụ thể của người giáo viên (Grossman et al, 1999, tr. 15). Theo Newell & Connors (2011), quá trình làm phù hợp hoá này bao gồm việc giáo viên phải điều chỉnh, bổ sung, địa phương hoá những công cụ sư phạm cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

Xuất phát từ thực tế đối tượng của Chương trình là các giáo viên đã có kiến thức về các lý thuyết, nguyên tắc sư phạm cơ bản (xem thêm thông tin chi tiết ở phần 3.1), và là những người đang công tác ở những điều kiện sư phạm rất đa dạng, thậm chí khác biệt, nhóm xây dựng Chương trình tin tưởng rằng mục tiêu mà Chương trình Bồi dưỡng giáo viên này cần hướng tới là phát triển năng lực chuyên môn thích ứng theo hoàn cảnh (adaptive expertise) của các giáo viên tham gia khoá học.

2.2.2. WHAT? – Khung Năng lực dành cho Giáo viên Tiếng Anh (English Teacher Competencies Framework)

Nội dung Chương trình Bồi dưỡng được xây dựng dựa trên những mảng kiến thức, kỹ năng được xác định là thiết yếu đối với người giáo viên Tiếng Anh. Khung Năng lực dành cho Giáo viên Tiếng Anh (English Teacher Competencies Framework) (gọi tắt là ETCF) do Tiến sĩ Diana Dudzik xây dựng dựa trên mô hình của Darling-Hammond & Bransford (2005) và Ball & Cohen (1999) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam thông qua vào ngày 21/12/2012, và đã và đang được áp dụng vào việc xây dựng các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam. Chương trình Bồi dưỡng Giáo viên Tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ này cũng không nằm ngoài chủ trương này.

Khung ETCF bao gồm 5 lĩnh vực kiến thức, kỹ năng (domains), đi kèm với những năng lực (competencies) và miêu tả năng lực (indicators) được xác định rõ ràng (Dudzik & Tran, 2012; National Foreign Language Project 2020, 2013).



Hình 2.1. Khung năng lực dành cho giáo viên Tiếng Anh (Dudzik & Tran, 2012; National Foreign Language Project 2020, 2013)

Các mô-đun trong Chương trình được thiết kế nhằm phát triển năng lực trong 5 lĩnh vực này. Bảng 2.1 cung cấp thông tin về những năng lực giáo viên cần có theo 5 lĩnh vực trong Khung ETCF, và những năng lực tương ứng với Khung ETCF nội hàm trong mỗi mô-đun.

Năng lực		Mô-đun
LĨNH VỰC 1	Kiến thức về Ngôn Ngữ và Chương trình Giảng dạy	
Năng lực 1.1a	Năng lực ngôn ngữ của giáo viên	1, 4
Năng lực 1.1b	Kiến thức về Khung Tham Chiếu Châu Âu	1, 2, 3
Năng lực 1.2	Ngôn ngữ như một hệ	1, 2
Năng lực 1.3	Hiểu biết về cách người học học ngoại ngữ	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 1.4	Văn hoá của các nước nói tiếng Anh	2, 3
Năng lực 1.5	Nội dung học thuật bằng Tiếng Anh	1, 2, 3
Năng lực 1.6	Chương trình giảng dạy ngoại ngữ	1, 2, 3, 4, 5
LĨNH VỰC 2	Kiến thức về việc Giảng dạy	
Năng lực 2.1	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ	1, 2
Năng lực 2.2	Lập kế hoạch bài giảng	1, 3, 4, 5
Năng lực 2.3	Thực hiện một bài giảng	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 2.4	Đánh giá kết quả học ngoại ngữ	2, 3, 4
Năng lực 2.5	Các nguồn lực	1, 3, 4, 5
Năng lực 2.6	Công nghệ	3, 5
LĨNH VỰC 3	Kiến thức về Người học Ngoại ngữ	
Năng lực 3.1	Hiểu quá trình phát triển của người học để kích lệ và tạo động lực cho họ	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 3.2	Nhận thức về trình độ phát triển ngôn ngữ của người học để thiết kế nội dung giảng dạy	1, 2, 3, 4
Năng lực 3.3	Phản ánh những giá trị và kiến thức người học đã học	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 3.4	Phát triển khả năng sáng tạo và suy nghĩ phê phán của người học	2, 4, 5
LĨNH VỰC 4	Những thái độ và giá trị chuyên ngành Giảng dạy Ngoại Ngữ	
Năng lực 4.1	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 4.2	Thực hiện hợp tác, liên kết và làm việc nhóm trong việc giảng dạy ngoại ngữ	3, 5
Năng lực 4.3	Phát triển năng lực chuyên môn và học tập cả đời	1, 2, 3, 4, 5
Năng lực 4.4	Đóng góp cho chuyên ngành giảng dạy ngoại ngữ	1, 2, 3, 4, 5
LĨNH VỰC 5	Thực tiễn và Bối Cảnh Giảng dạy Ngoại ngữ	
Năng lực 5.1	Kết nối việc học tập ra ngoài phạm vi lớp học	2, 3, 5
Năng lực 5.2	Phản ánh quá trình dạy và học ngoại ngữ	1, 2, 3, 4, 5

Bảng 2.1. Tổng quan về các lĩnh vực và năng lực trong khung ETCF và các mô-đun tương ứng trong Chương trình

2.2.3. HOW? – Lý thuyết Học tập dựa trên Tình huống (Situating Learning Theory)

Lý thuyết Học tập dựa trên Tình huống (Situating Learning Theory) (Lave & Wenger, 1991) là một lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong giáo dục dành cho người lớn. Quan điểm này cho rằng học không phải chỉ đơn giản là quá trình truyền thụ những kiến thức trừu tượng, tách rời ngữ cảnh từ một cá nhân này (chủ yếu là giáo viên) cho một cá nhân khác (người học), mà là một quá trình mang tính xã hội, trong đó kiến thức được cùng kiến tạo bởi cả người dạy và người học. Quá trình học đó được đặt trong một bối cảnh cụ thể và nằm trong một môi trường vật lý và xã hội nhất định.

Trong điều kiện lý tưởng, việc học nên diễn ra ngay tại chính bối cảnh mà những kiến thức, kỹ năng mục tiêu của quá trình giáo dục đó được áp dụng và thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ/bài tập liên quan đến công việc chuyên môn của họ. Lave & Wenger (1991) gọi bối cảnh đó là ‘cộng đồng thực hành’ (community of practice). Theo họ, quá trình học diễn ra thông qua việc người học cố gắng giải quyết các vấn đề, từ tìm hiểu thực tế của bối cảnh để tìm ra câu trả lời đến giải quyết các vấn đề đó.

Tuy nhiên, khi điều kiện lý tưởng này không thực hiện được, thì quá trình giáo dục càng tạo ra được nhiều bối cảnh giống thật thì càng giúp quá trình học được hiệu quả hơn. Nguyên tắc này được áp dụng trong quá trình xây dựng Chương trình bồi dưỡng này. Mặc dù không thể thực hiện được việc bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại môi trường họ công tác, nhưng chương trình thiết kế nhiều hoạt động mô phỏng hoặc những nhiệm vụ, bài tập xuất phát từ công việc thực tế của họ. Hơn nữa, các hoạt động thực hành và giảng tập bài học thực tế trong chương trình giảng dạy của học viên cũng là những giải pháp mà Chương trình lựa chọn để tạo ra ‘cộng đồng thực hành’ mang tính thực tiễn và gần với bối cảnh giảng dạy thực của học viên.

2.3. Cơ sở thực tiễn

Chương trình Bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại các trường Cao đẳng và Đại học không chuyên ngữ được xây dựng dựa trên một số cơ sở thực tiễn như sau:

2.3.1. Khảo sát về những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người giáo viên dạy ngoại ngữ của trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội

Đầu năm 2012, trường Đại học Ngoại Ngữ-Đại học Quốc Gia Hà Nội tiến hành một cuộc khảo sát điều tra nhu cầu xã hội về những kiến thức, kỹ năng mà một người giáo viên dạy ngoại ngữ cần để thực hiện tốt công việc của mình, nhằm mục đích điều chỉnh

chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngoại ngữ của nhà trường. 54 giáo viên tham gia khảo sát, bao gồm các giáo viên dạy tiếng Anh tại các trường phổ thông và cao đẳng, đại học. Kết quả điều tra cho thấy các kiến thức, kỹ năng sau đây được đa số giáo viên tham gia khảo sát cho là cần thiết để công việc của họ được hiệu quả:

Về các kỹ năng cứng, nổi bật nhất là *kỹ năng nghề nghiệp*. Có tới 56% số người trả lời đây là kỹ năng Rất cần thiết và 28% coi đó là kỹ năng cần thiết và không có đối tượng điều tra nào cho rằng đây là kỹ năng Không cần thiết. *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự tự thay đổi trong nghề nghiệp* là kỹ năng quan trọng thứ 2 với 46% người trả lời cho rằng đó là kỹ năng Rất quan trọng và 52% cho rằng đó là kỹ năng Quan trọng. Tiếp đến có thể kể đến *Hiểu bối cảnh của nơi giảng dạy* (trong phiếu điều tra được hiểu là có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề, khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề, khuyến khích sáng tạo và tự tin và biết tổ chức các hoạt động giáo dục khác được xây dựng đảm bảo tính khả thi, sát hoà và *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*.

Về các kỹ năng mềm của một giáo viên ngoại ngữ, kỹ năng được các giáo viên đánh giá là cần thiết nhất là các kỹ năng cá nhân, bao gồm *chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc, quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân, thích ứng với sự phát triển của thực tế, tự đánh giá kết quả công việc, hoàn cảnh công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp* với 67% người cho rằng đó là các kỹ năng Rất cần thiết và 31% cho rằng đó là kỹ năng Cần thiết. Không ai trả lời rằng các kỹ năng này Không hoặc Ít cần thiết.

Tiếp đến, một số kỹ năng mềm khác được cho là cần thiết bao gồm *Kỹ năng giao tiếp* (với 56% lựa chọn Rất cần thiết và 44% lựa chọn Cần thiết), *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ* (với 44% lựa chọn Rất cần thiết và 37% lựa chọn Cần thiết), *Kỹ năng làm việc theo nhóm* (37% lựa chọn Rất cần thiết và 52% lựa chọn Cần thiết).

Như vậy, kết quả điều tra của trường Đại học Ngoại Ngữ - ĐHQGHN cho thấy sự cần thiết của việc người giáo viên dạy ngoại ngữ không chỉ có kiến thức, am hiểu về các vấn đề lý thuyết, mà còn phải hiểu tình hình, bối cảnh công việc của bản thân mình, và phải vận dụng được một cách linh hoạt, sáng tạo những kiến thức chuyên ngành vào điều kiện giảng dạy của mình. Các kết quả này được xem xét khi xây dựng nội dung các chuyên đề giảng dạy trong Chương trình.

2.3.2. Quan sát dự giờ một số giờ học tiếng Anh tại các trường đại học không chuyên ngữ

Để tìm hiểu sâu về thực trạng của việc giảng dạy tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ, nhóm xây dựng Chương trình đã tiến hành việc quan sát dự giờ tại 10 giờ học tại một số trường đại học tại Hà Nội thuộc 5 nhóm chuyên ngành khác nhau: luật, kinh tế, công nghệ thông tin, kỹ thuật, và xã hội-nhân văn. Quy trình quan sát lớp học được dựa trên những hướng dẫn của Richards & Farrell (2011). Theo đó, quan sát viên tiến hành ghi chép lại tiến trình của giờ học, theo những nội dung quan sát bao gồm (tr. 92-93):

Cấu trúc của giờ học

- Cách mở đầu, phát triển và kết thúc giờ học
- Số hoạt động tạo nên giờ học
- Mối liên hệ và chuyển giao giữa các hoạt động

Các chiến lược quản lý lớp học

- Hình thành nhóm
- Duy trì trật tự
- Quản lý thời gian
- Sắp xếp chỗ ngồi

Các loại hoạt động giảng dạy

- Hoạt động cả lớp
- Hoạt động cặp và nhóm
- Hoạt động cá nhân

Các chiến lược dạy học

- Trình bày các bài tập
- Tổ chức thực hành
- Kỹ thuật giảng dạy

Việc sử dụng học liệu của giáo viên

- Việc sử dụng giáo trình
- Việc sử dụng các học liệu khác

Việc sử dụng ngôn ngữ của giáo viên

- Việc sử dụng ngôn ngữ giảng dạy
- Việc sử dụng các câu hỏi
- Các kỹ thuật nhận xét, phản hồi
- Việc giải thích từ mới và ngữ pháp

Việc sử dụng ngôn ngữ của học sinh

- Việc sử dụng ngôn ngữ khi làm việc nhóm
- Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giờ học
- Các lỗi ngữ pháp
- Các lỗi về phát âm

Trao đổi của học sinh

- Thời gian làm bài tập
- Cách đặt câu hỏi
- Trao đổi giữa học sinh với học sinh

Kết quả quan sát cho thấy một số vấn đề sau:

Thứ nhất, giáo viên chủ yếu thực hiện tiến trình giờ học dựa trên tiến trình trong giáo trình. Một số giáo viên làm đúng theo 'quy trình' của một giờ học theo quan điểm của đường hướng Giao tiếp (Communicative Language Teaching), ví dụ, với dạy đọc, có bước chuẩn bị trước khi đọc (pre-reading), tổ chức đọc (while reading) và làm bài tập sau khi đọc (post-reading), nhưng giáo viên chưa giúp học sinh sử dụng được ngôn ngữ, vốn là mục đích cơ bản của đường hướng giảng dạy này. Điều đó thể hiện thực tế là nhiều giáo viên giảng dạy ở bậc cao đẳng và đại học nắm được các lý thuyết, quy trình giảng dạy ngoại ngữ, nhưng hoặc chưa hiểu sâu bản chất của các lý thuyết, quy trình chuyên ngành đó, hoặc thiếu năng lực điều chỉnh linh hoạt (adaptive expertise) theo điều kiện thực tế giảng dạy của mình.

Bên cạnh đó, kết quả quan sát cũng cho thấy một số khó khăn phổ biến của giáo viên dạy tiếng Anh ở các trường cao đẳng, đại học không chuyên bao gồm: lớp học thường rất đông học sinh (các lớp được dự giờ đều có số sinh viên lớn hơn 30; lớp đông nhất có 43 sinh viên), trong khi trình độ học sinh lại không đồng đều. Do trình độ của học sinh còn thấp, vốn từ vựng ít, giáo viên phải dành lượng thời gian đáng kể trong mỗi giờ học để dạy từ và các cấu trúc ngữ pháp. Giáo viên phải kết hợp giữa nói bằng tiếng Anh và tiếng Việt trong các giờ dạy. Đặc biệt, có 1 tiết học với sinh viên năm thứ 1 ở một trường đại học về kỹ thuật, giáo viên sử dụng chủ yếu tiếng Việt để dạy, tiếng Anh chỉ được sử dụng khi trình bày chỉ dẫn cho các bài tập và nội dung trong giáo trình.

Giáo viên sử dụng tất cả các loại hoạt động giảng dạy bao gồm hoạt động cả lớp, nhóm và cặp. Tuy nhiên, do lớp đông nên một số giáo viên tỏ ra lúng túng trong việc quản lý lớp học và thời gian. Một tình trạng khá phổ biến ở các giờ học được dự giờ là sinh viên không tham gia các hoạt động với nhóm, hoặc ngồi im lặng, hoặc trao đổi bằng tiếng Việt.

Nguồn học liệu chủ yếu được sử dụng trên lớp là giáo trình. Tuy nhiên, do giáo trình dạy tiếng Anh tổng quát được biên soạn và phát hành bởi các nhà xuất bản nước ngoài như Anh, Mỹ, nên một số nội dung khó hiểu và không phù hợp đối với sinh viên. Ở một số lớp, do trình độ của sinh viên chênh lệch, nên bài học theo giáo trình không phù hợp với một bộ phận sinh viên. Ở một số giờ học, giáo viên thiết kế thêm các bài tập và phát thêm tài liệu học liệu cho sinh viên. Tuy nhiên, một số nguồn tài liệu được lấy từ các nguồn sẵn có trên Internet hoặc qua các giáo trình khác, chưa thực sự phù hợp với nội dung bài học, hoặc với đối tượng sinh viên. Do vậy, hiệu quả sử dụng của các tài liệu này còn hạn chế.

2.3.3. Phỏng vấn giáo viên dạy tiếng Anh tại một số trường cao đẳng, đại học không chuyên ngữ

Nhóm xây dựng Chương trình cũng tiến hành phỏng vấn 30 giáo viên dạy tiếng Anh tại một số trường đại học không chuyên ngữ tại Hà Nội thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm từ 3-5 giáo viên, theo hình thức linh hoạt, bán cấu trúc (semi-structured). Hai nội dung phỏng vấn cơ bản là: (1) những khó khăn của giáo viên khi giảng dạy tiếng Anh; và (2) những nội dung giáo viên mong muốn được bồi dưỡng chuyên môn.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, ngoài những khó khăn về số lượng sinh viên lớn; và trình độ của sinh viên thấp và không đồng đều; các giáo viên còn gặp khó khăn do cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tiếng thiếu thốn; và thời lượng dành cho môn tiếng Anh ít. Ngoài ra, phần lớn các giáo viên còn nêu khó khăn là sinh viên có ít động cơ và hứng thú khi học tiếng Anh vì đây chỉ là một môn học không chuyên ngành, và ngôn ngữ học được không giúp ích nhiều cho việc sử dụng cho mục đích học tập và phát triển chuyên ngành của các em. Sinh viên thấy nản và không hào hứng học vì những ngữ liệu các em học được tại giờ học tiếng Anh không giúp các em hiểu được các văn bản bằng tiếng Anh về chuyên ngành của mình, trong khi nhu cầu được tiếp thu kiến thức chuyên ngành qua các tài liệu bằng tiếng Anh là rất lớn;

Về các nội dung mong muốn được bồi dưỡng chuyên môn, tất cả các giáo viên tham gia phỏng vấn đều cho rằng các kỹ năng quản lý lớp học là rất cần thiết. Các kỹ năng này bao gồm việc quản lý lớp học đông, cách sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt để giảng dạy trong lớp học, quản lý các hoạt động cặp và nhóm, v.v. Bên cạnh đó, phần lớn đều mong muốn được bồi dưỡng về cách lựa chọn và xây dựng các tài liệu giảng dạy phù hợp với trình độ và nhu cầu của sinh viên. Một số giáo viên đề cập đến kỹ năng điều chỉnh giáo trình có sẵn sao cho phù hợp với trình độ của sinh viên, và việc tìm và xây

dựng thêm các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành của sinh viên nhằm tạo hứng thú học cho sinh viên. Các giáo viên cũng mong muốn được tập huấn các kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc chuẩn bị bài học, xây dựng tài liệu giảng dạy và hỗ trợ học sinh học tập.

2.4. Đề xuất nội dung tập huấn dựa trên các dữ liệu thu thập được

Các thông tin thu thập được từ khảo sát về nhu cầu năng lực của một người giáo viên dạy ngoại ngữ tại Việt Nam, và quan sát các giờ dạy thực tế và phỏng vấn giáo viên giảng dạy tại một số trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ tại Hà Nội đã cho thấy, những nội dung sau đây là cần thiết trong khuôn khổ thời lượng giới hạn 50 giờ học:

- Các vấn đề cơ bản trong việc giảng dạy tiếng Anh ở các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ;
- Phương pháp dạy từ vựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên không chuyên ngữ;
- Kỹ thuật lựa chọn và xây dựng học liệu tiếng Anh phù hợp với đối tượng sinh viên không chuyên ngữ;
- Phương pháp quản lý lớp học ở các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ; và
- Phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để phục vụ việc dạy và học ngoại ngữ tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ.

PHẦN 3. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Đối tượng tham gia Chương trình

Chương trình bồi dưỡng này được thiết kế dành cho đối tượng là các giáo viên giảng dạy bộ môn tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục bậc cao đẳng, đại học không chuyên ngữ. Dưới đây là một số đặc điểm chung của các giáo viên này:

- Các giáo viên này đều đã được đào tạo ở trường đại học chuyên ngữ và/hoặc trường sư phạm, đã có kiến thức nhất định về lý luận dạy học và/hoặc giảng dạy ngoại ngữ;

- Họ đều đã có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh tại các trường cao đẳng, đại học không chuyên ngữ trong một khoảng thời gian nhất định; Tiếng Anh ở các trường này là một môn học

- Về năng lực tiếng Anh, theo kết quả khảo sát năng lực tiếng Anh từ 3 kì thi do Trường Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN thực hiện với số lượng hơn 300 giáo viên của các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ ở các 2 tỉnh phía Bắc và một Trường Đại học cấp Tỉnh lớn ở miền Bắc thì các giáo viên này có năng lực ngoại ngữ từ bậc B1 đến C1, trong đó, đại đa số ở trình độ B2.

- Bộ môn tiếng Anh là một môn học, chiếm thời lượng khoảng 180 tiết học.

- Mục tiêu của việc giảng dạy tiếng Anh ở nhà trường là sinh viên cần đạt trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu.

3.2. Mục tiêu của Chương trình

3.2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình Bồi dưỡng Phương pháp giảng dạy dành cho Giáo viên dạy bộ môn tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ nhằm mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn thích ứng với điều kiện, hoàn cảnh giảng dạy thực tế (adaptive expertise). Sau khi hoàn thành Chương trình, học viên được nâng cao khả năng xác định và lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sư phạm trong việc giảng dạy của mình; củng cố và phát triển kỹ năng sư phạm giải quyết một số vấn đề cơ bản trong việc giảng dạy tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khoá học, học viên cần đạt được những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, và thái độ như sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được bản chất của việc giảng dạy tiếng Anh cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ ở các trường cao đẳng và đại học;
- xác định được những khó khăn, vấn đề sư phạm trong việc giảng dạy của mình;

Về kỹ năng:

- được củng cố và phát triển các kỹ năng giảng dạy từ vựng và đọc hiểu và kỹ năng quản lý lớp học;
- được củng cố và phát triển kỹ năng lựa chọn và xây dựng học liệu phù hợp với nhu cầu và điều kiện giảng dạy thực tế;
- được nâng cao năng lực áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Về thái độ:

- chủ động và tự tin hơn trong việc xác định và giải quyết vấn đề trong giảng dạy;
- chủ động điều chỉnh việc giảng dạy của mình cho phù hợp với đối tượng sinh viên và điều kiện thực tế.

3.3. Phương pháp xây dựng Chương trình - Mô hình ADDIE

Quá trình xây dựng Chương trình dựa trên Mô hình ADDIE (Morrison, 2010), là một khung lý thuyết được áp dụng khá phổ biến trong khi xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn cho người lớn, bao gồm 5 bước sau: Phân tích (Analysis) – Thiết kế (Design) – Xây dựng (Development) – Thực hiện (Implementation) – Đánh giá (Evaluation). Đây là một mô hình Thiết kế Hệ thống Giảng dạy (Instructional Systems Design) cơ bản. Hầu hết các hệ thống ISD đang được sử dụng trong giáo dục hiện nay đều là biến thể của mô hình ADDIE (Piskurich, 2006). Dưới đây là những công việc chính ở 5 bước trong mô hình:

Analysis: xác định các vấn đề và mục tiêu sư phạm, cũng như tìm hiểu môi trường học tập và kiến thức, kỹ năng sẵn có của học viên;

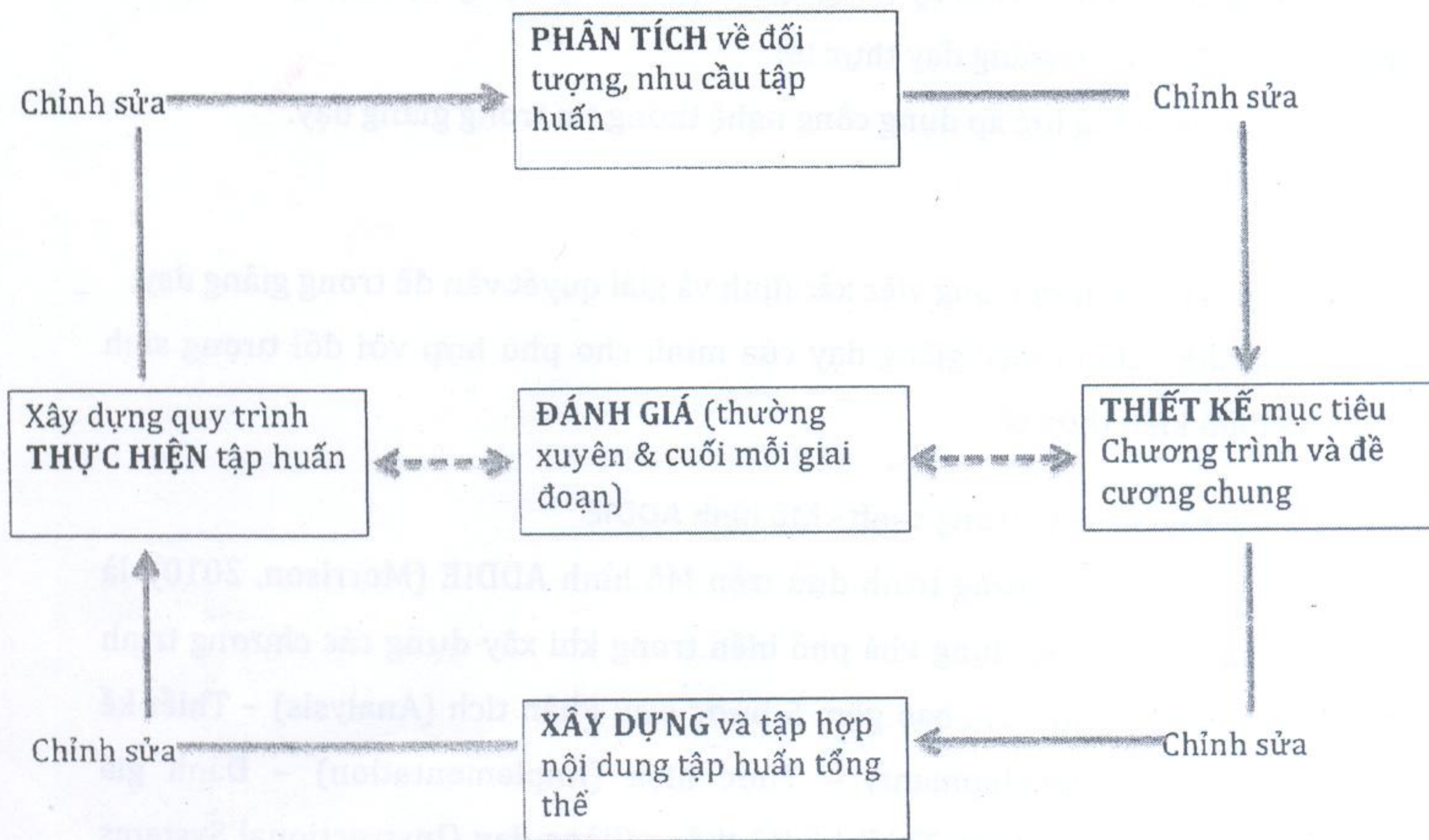
Design: thiết kế mục tiêu học tập, xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá, hệ thống bài tập, nội dung, lên kế hoạch bài giảng, và lựa chọn phương tiện;

Development: xây dựng và tập hợp các nội dung giảng dạy/tập huấn thành một chương trình chỉnh thể; đồng thời, chuẩn bị các công nghệ cần thiết;

Implementation: Xây dựng quy trình thực hiện các nội dung tập huấn; và kiểm tra chất lượng của các tài liệu tập huấn; và

Evaluation: đảm bảo mọi tài liệu tập huấn đạt được mục tiêu đề ra; bao gồm quá trình đánh giá và điều chỉnh thường xuyên trong suốt 4 bước trên, và đánh giá tổng kết cuối giai đoạn để phục vụ việc chỉnh sửa tài liệu tập huấn.

Việc xây dựng Chương trình Bồi dưỡng Phương pháp giảng dạy cho giáo viên Tiếng Anh ở các trường cao đẳng và đại học không chuyên cũng được thực hiện theo 5 bước trên. Hình 3.1 mô tả quy trình xây dựng Chương trình cụ thể dựa theo Mô hình ADDIE:



Hình 3.1. Quy trình xây dựng Chương trình bồi dưỡng PPGD cho GV Cao đẳng và Đại học không chuyên ngữ tại ĐHNN-ĐHQGHN

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc của Chương trình

Với thời lượng 50 giờ học, Chương trình được thiết kế bao gồm 5 mô-đun có liên hệ chặt chẽ với nhau và kiểm tra, đánh giá cuối Chương trình (5 giờ).

Mô-đun 1 'Giảng dạy Tiếng Anh ở các trường ĐH và CĐ không chuyên ngữ: Các vấn đề phương pháp luận' giới thiệu những nguyên tắc cơ bản về phương pháp giảng dạy và giúp học viên phân tích những thuận lợi và khó khăn cơ bản trong việc dạy và học tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học không chuyên ngữ tại Việt Nam. Trên cơ sở những phân tích đó, giáo viên biết cách vận dụng các nguyên tắc giảng dạy tiếng Anh vào điều kiện giảng dạy cụ thể để nâng cao hơn nữa chất lượng học tiếng Anh của sinh viên.

Các mô-đun 2-5 thảo luận những vấn đề cơ bản, phổ biến nhất của việc giảng dạy tiếng Anh ở các trường cao đẳng, đại học không chuyên được tổng hợp từ các cơ sở lý luận và thực tiễn khi xây dựng Chương trình.

Mô-đun 2 'Dạy Từ vựng và Phát triển kỹ năng Đọc hiểu cho đối tượng Sinh viên học Tiếng Anh không chuyên' được xây dựng xuất phát từ thực tế phổ biến là trình độ ngoại ngữ và vốn từ vựng của sinh viên không chuyên ngữ thường thấp, hạn chế khả năng đọc hiểu. Trong khi đó, một trong những nhu cầu sử dụng tiếng Anh chủ yếu nhất cho đối tượng này là để tiếp cận với các nguồn thông tin (chủ yếu bằng hình thức đọc) về chuyên ngành của mình bằng ngôn ngữ quốc tế (tiếng Anh). Mô-đun phân tích ảnh hưởng của độ khó từ vựng (lexical load) tới khả năng đọc hiểu; giới thiệu chương trình hiện đại có thể giúp giáo viên đánh giá độ khó từ vựng của văn bản và những công cụ giúp tạo ra những văn bản dễ hiểu hơn cho người học, và những kỹ thuật dạy từ vựng để phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên.

Mô-đun 3 hướng dẫn giáo viên chọn và phát triển nguồn học liệu, vốn là nhu cầu phổ biến đối với giáo viên Tiếng Anh. Đặc biệt, đối với các giáo viên ở các trường Đại học, Cao đẳng không chuyên ngữ, việc cải biên tài liệu để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học, tạo hứng thú, động cơ học tập cho sinh viên là thiết yếu, bởi lẽ các học liệu từ các giáo trình tiếng Anh tổng quát có sẵn thường không thoả mãn được nhu cầu sử dụng ngôn ngữ liên quan đến chuyên ngành của mình. Mô-đun trang bị cho người giáo viên kỹ thuật lựa chọn và phát triển nguồn học liệu

Mô-đun 4, 'Quản lý lớp học Tiếng Anh ở các trường ĐH và CĐ không chuyên ngữ' trình bày một số nội dung cơ bản liên quan đến việc quản lý lớp học trong dạy và học

ngoại ngữ nhằm mục đích giúp giáo viên tổ chức và thực hiện các hoạt động trên lớp học một cách có hiệu quả hơn. Những nội dung liên quan đến quản lý lớp học được giới thiệu trong mô-đun này khuyến khích giáo viên vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp giảng dạy truyền thống cũng như các phương pháp đổi mới để giải quyết các vấn đề trong lớp học thực tế của mình.

Mô-đun 5, 'Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ngoại ngữ' tập trung thảo luận và gợi ý các giải pháp công nghệ đáp ứng một số nhu cầu thường gặp nhất đối với giảng viên ngoại ngữ tại các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngoại ngữ.

STT	Tên mô-đun	Thời lượng (giờ)
1	Giảng dạy Tiếng Anh ở các trường ĐH và CĐ không chuyên ngữ: Các vấn đề phương pháp luận	5
2	Dạy Từ vựng và Phát triển kỹ năng Đọc hiểu cho đối tượng Sinh viên học Tiếng Anh không chuyên ngữ	10
3	Lựa chọn và phát triển nguồn học liệu phù hợp với đối tượng sinh viên không chuyên ngữ	10
4	Quản lý lớp học Tiếng Anh ở các trường ĐH và CĐ không chuyên ngữ	10
5	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ngoại ngữ	10
	Kiểm tra, đánh giá cuối Chương trình	5

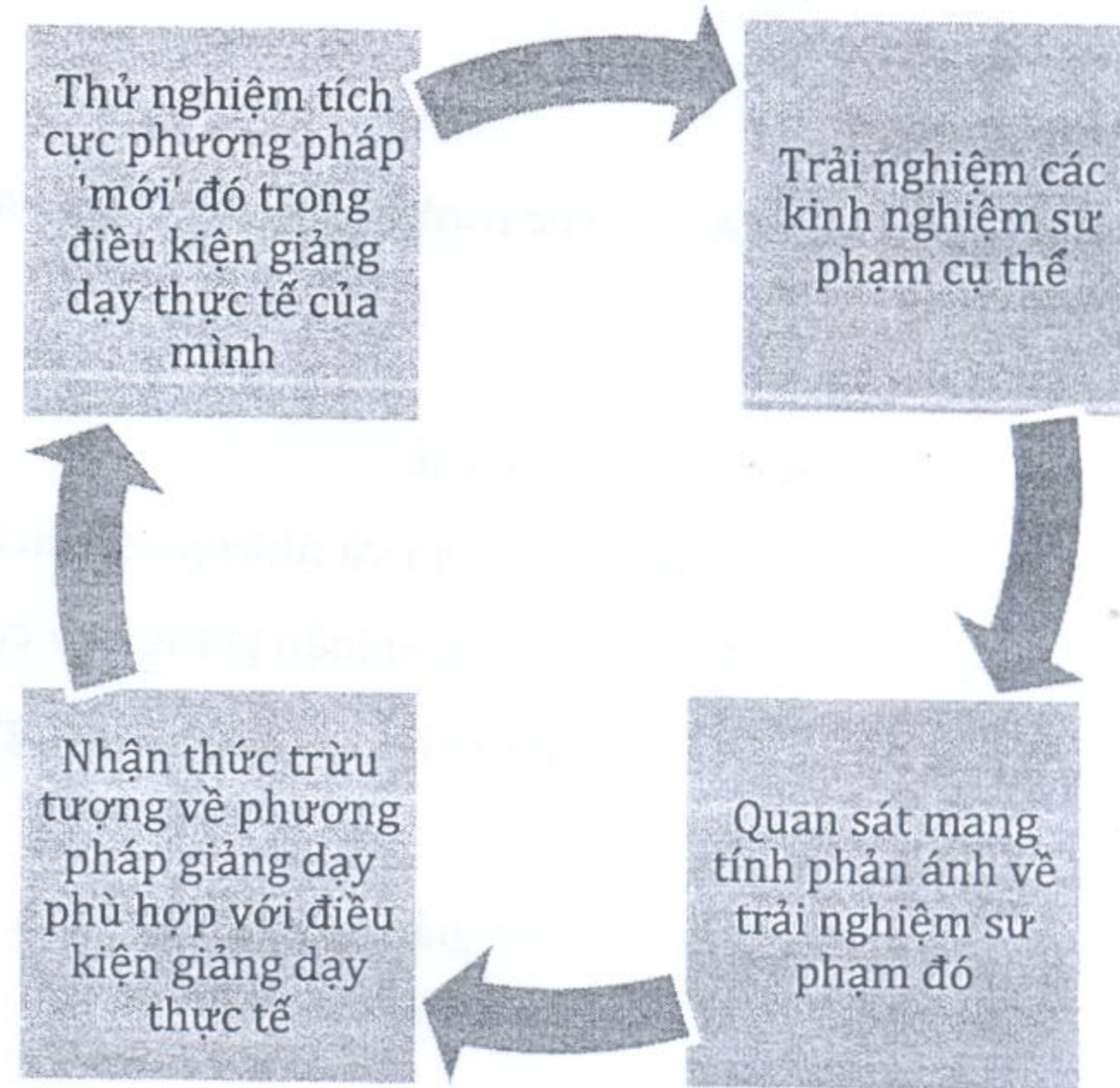
Bảng 4.1. Cấu trúc Chương trình tập huấn

4.2. Phương pháp tập huấn chung của Chương trình

Phương pháp tập huấn xuyên suốt Chương trình này tuân theo Lý thuyết Học tập dựa trên Tình huống (Situated Learning Theory) (Lave & Wenger, 1991). Theo đó, khi thực hiện các mô-đun, giảng viên cần tổ chức các hoạt động tìm hiểu nội dung mô-đun cũng như thực hành dựa trên các vấn đề và/hoặc tài liệu thực tế mà học viên đang sử dụng/dạy trong điều kiện giảng dạy tại đơn vị công tác của họ.

Do các học viên đều đã tốt nghiệp các trường sư phạm, có kiến thức nhất định về các lý thuyết, nguyên tắc giảng dạy tiếng Anh cơ bản; đồng thời, đã có kinh nghiệm giảng dạy, nên Chương trình không coi trọng việc truyền thụ kiến thức mới mà đặt trọng tâm vào mục tiêu giúp học viên có các kỹ năng tự khám phá, xác định vấn đề và tự tìm ra phương pháp giảng dạy phù hợp cho điều kiện giảng dạy thực tế của mình. Tiến

trình thực hiện các mô-đun theo *Mô hình Học tập dựa trên Kinh nghiệm* (Experiential Learning Model) của David Kolb (1984). Hình 4.1 mô tả quy trình học tập mà Chương trình tập huấn hướng tới:



Hình 4.1. Quy trình học tập dựa trên Mô hình Học tập dựa trên Kinh Nghiệm¹

Phương pháp tự phản ánh (reflective approach) là cốt lõi của quy trình này. Theo đó, học viên tự chiêm nghiệm và tìm ra các cách giải quyết cho các vấn đề sư phạm xuất phát từ thực tế giảng dạy của mình và tự tìm tòi ra các phương pháp giảng dạy, không phải là sự dập khuôn từ các lý thuyết giảng dạy sẵn có, mà là việc áp dụng linh hoạt và phù hợp với điều kiện cụ thể. Để hỗ trợ quá trình học tập này, giảng viên có thể kết hợp kỹ năng gợi mở, dẫn dắt từ các hoạt động, vấn đề thực tiễn để giúp học viên phản ánh và tự phản ánh các kinh nghiệm.

Học viên được khuyến khích chủ động khám phá trong quá trình học, tích cực cả trong thời gian trên lớp và thời gian tự học cá nhân hoặc nhóm. Học viên cần sử dụng nhiều kỹ năng như: kỹ năng tư duy, kỹ năng tự khám phá, tìm hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng suy luận, kỹ năng đặt câu hỏi, v.v. trong quá trình tập huấn.

4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá người học

Việc kiểm tra, đánh giá học viên bao gồm cả đánh giá thường xuyên thông qua việc học viên tham gia vào các hoạt động trên lớp hoặc hoạt động nhóm theo từng mô-đun

¹ Điều chỉnh từ

<http://www2.le.ac.uk/departments/gradschool/training/resources/teaching/theories/kolb>

(chiếm 40%) và kiểm tra cuối khoá (60%). Các hoạt động kiểm tra thường xuyên có thể bao gồm nhật ký học tập, quan sát lớp học, giảng tập, tiểu dự án (mini-projects), v.v. Mục đích của việc kiểm tra, đánh giá là nhằm chứng nhận khả năng chuyên môn thích ứng với hoàn cảnh (adaptive expertise) của học viên.

4.4. Mô tả cụ thể các mô-đun

4.4.1. Mô-đun 1: Giảng dạy Tiếng Anh ở các trường ĐH và CĐ không chuyên ngữ: Các vấn đề phương pháp luận

Mục đích:

Sau khi hoàn thành mô-đun này, giáo viên sẽ

- hiểu được những nguyên tắc dạy tiếng Anh và những mặt tích cực cũng như những hạn chế của những nguyên tắc đó trong điều kiện giảng dạy cụ thể.
- có khả năng phân tích các yếu tố về mục tiêu chương trình, giáo trình, người học và điều kiện dạy và học.
- biết cách vận dụng những nguyên tắc giảng dạy tiếng Anh đổi mới vào điều kiện giảng dạy cụ thể.

Mục tiêu:

- giáo viên nhận thức đầy đủ hơn về sự cần thiết phải điều chỉnh phương pháp giảng dạy của mình cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh dạy và học, tránh giáo điều.
- có kỹ năng phân tích lớp học và các yếu tố tác động đến kết quả dạy và học tiếng Anh
- Có khả năng đưa ra những giải pháp về phương pháp dạy học để nâng cao hơn nữa chất lượng học tiếng Anh của học viên.

Cấu trúc:

Số lượng chủ đề: 03

Tỷ lệ lý thuyết / thực hành: 50/50

Hình thức tập huấn: Chú trọng việc thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm của giáo viên kết hợp với nội dung mới do giảng viên cung cấp

Nội dung chi tiết:

Chủ đề	Thời lượng	Nội dung trọng tâm
01	1 giờ	Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam: Thách thức và biện pháp thực hiện
02	1 giờ	Thế nào là một giờ học tiếng Anh có hiệu quả

		Những nguyên tắc giảng dạy tiếng Anh trong điều kiện khó khăn
03	3 giờ	Dạy tiếng Anh trong điều kiện lớp đông, không đồng đều về trình độ. Gợi ý các vận dụng những nội dung của phần 2 vào thực tế giảng dạy.

Kiểm tra đánh giá:

Giáo viên tự nêu lên một khó khăn trong giảng dạy và đề xuất kế hoạch hành động theo những nội dung được tập huấn để nâng cao hơn nữa chất lượng học tiếng Anh của người học. (2000 từ)

4.4.2. Mô-đun 2: Dạy Từ vựng và Phát triển kỹ năng Đọc hiểu cho đối tượng Sinh viên học Tiếng Anh không chuyên ngữ

Mục tiêu học tập

Đến cuối khoá học này, người học sẽ đạt được các mục tiêu sau đây:

- hiểu được sự tác động của yếu tố từ vựng lên khả năng đọc hiểu ngoại ngữ;
- sử dụng được: (2.1) các bài kiểm tra lượng/cấp độ từ vựng của Nation (1990) để đo lường kiến thức từ vựng hiện tại của sinh viên, (2.2) phần mềm phân tích lượng từ vựng trong một bài đọc của Tom Cobb, (2.3) kết quả từ việc phân tích trên để xác định từ nào sẽ được xử lí, và (2.4) các kĩ thuật thiết kế công cụ đoán nghĩa từ vựng trong văn cảnh, thiết kế thẻ học từ vựng, thiết kế các hoạt động nói với gợi ý về từ vựng, và thiết kế hoạt động 4/3/2 để gia tăng vốn từ vựng cho sinh viên;
- hiểu và dạy được: (3.1) kĩ năng sử dụng các từ khoá của một bài đọc nhằm tìm ra chủ đề của nó, (3.2) kĩ năng sử dụng các liên kết từ nhằm xác định tổ chức ý của một bài đọc, và (3.3) kĩ năng sử dụng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa để xác định thông tin cần tìm trong một văn bản.

Cấu trúc:

Số lượng chủ đề: 2

Tỷ lệ lý thuyết / thực hành: Đan xen

Hình thức tập huấn: Tương tác giữa tập huấn viên và học viên, các học viên tương tác theo cặp hoặc nhóm.

Phương thức giảng dạy

Mô-đun này được tiến hành dựa trên mô hình Hỗ Trợ Tích Cực (Scaffolding) với 03 bước cụ thể như sau:

- (1) Xác định nhu cầu của người học, từ đó xây dựng nội dung, phương pháp giảng dạy, và hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp;
- (2) Xây dựng mối tương tác tích cực giữa giảng viên và người học trong việc tiếp cận, phân tích và đánh giá các nội dung học tập;
- (3) Tạo cơ hội cho người học thực hành độc lập các nội dung học tập sau khi họ đã hiểu, và có thể ứng dụng các nội dung đó vào thực tế.

Nội dung chi tiết

Buổi	Mục tiêu	Trọng tâm	Hình thức KTĐG	Năng lực thực hiện
01	1, 2	- Ảnh hưởng của từ vựng đối với khả năng đọc hiểu ngoại ngữ; - Phân tích lượng từ vựng trong văn bản; - Xử lí từ vựng trong văn bản viết với mục tiêu thân thiện với quá trình đọc hiểu.	Bài tập lớn	- Sử dụng được trang Web Lextutor.ca; - Giải thích được kết quả từ việc phân tích lượng từ vựng trong văn bản; - Xác định được từ cần xử lí, và thiết kế các công cụ xử lí.
02	1, 3	- Tận dụng các yếu tố từ vựng nhằm hỗ trợ quá trình đọc hiểu.	Tập giảng	Giảng thử kĩ năng sử dụng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để định vị thông tin cần tìm trong văn bản.

4.4.3. Mô-đun 3: Lựa chọn và phát triển nguồn học liệu cho sinh viên cao đẳng và đại học không chuyên ngữ

Mục đích và mục tiêu:

Sau khóa tập huấn, học viên sẽ:

- biết cách xác định nhu cầu của người học
- biết cách đánh giá nguồn học liệu từ giáo trình
- biết cách lựa chọn ngữ liệu và cải biên các nhiệm vụ học tập phù hợp với đối tượng người học của mình;

- biết cách thiết kế nguồn học liệu phù hợp với đối tượng người học của mình.

Cấu trúc:

Số lượng chủ đề: 2

Tỷ lệ lý thuyết / thực hành: Đan xen

Hình thức tập huấn: Tương tác giữa tập huấn viên và học viên, các học viên tương tác theo cặp hoặc nhóm.

Nội dung chi tiết:

Buổi 1: Cơ sở lý thuyết của việc lựa chọn và phát triển nguồn học liệu		
Hoạt động	Thời lượng	Nội dung chính
1	20 phút	Warm-up: <i>Làm quen 15 mins</i>
2	1 giờ	Đánh giá nguồn học liệu: Giáo trình 45
3	1 giờ	Phân tích nhu cầu sinh viên
4	1 giờ	Phân tích nguồn ngữ liệu
5	1 giờ 30 phút	Thiết kế học liệu 30 mins
Buổi 2: Thực hành theo nhóm: 3 giờ		
<p>Học viên chia thành các nhóm theo chuyên ngành giảng dạy của mình và thiết kế tài liệu theo các bước đã học ở buổi trước.</p> <p>Sau khi thiết kế xong các nhóm sẽ lên thuyết trình để các nhóm khác và tập huấn viên nhận xét.</p>		

Kiểm tra đánh giá:

Bài kiểm tra cuối kì, hoạt động thuyết trình theo nhóm.

4.4.4. Mô-đun 4: Quản lý lớp học Tiếng Anh ở các trường Đại học và cao đẳng không chuyên ngữ

Mục đích:

Khi hoàn thành mô-đun này, giáo viên sẽ:

- nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của việc tổ chức lớp học đối với hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ;
- hiểu được các chiến lược quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động trên lớp để tạo ra một môi trường học tập thuận lợi cho hoạt động học của người học.
- nhận thức được những ưu điểm và hạn chế của từng chiến lược quản lý, tổ

chức lớp học, từ đó biết vận dụng sáng tạo và có hiệu quả vào từng điều kiện lớp học cụ thể.

Mục tiêu:

- giáo viên biết cách tổ chức các hoạt động trên lớp một cách hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng người học và từng điều kiện dạy và học.
- giáo viên biết sử dụng ngôn ngữ trên lớp học hợp lý để ngôn ngữ giáo viên sử dụng trên lớp học thực sự là một công cụ sư phạm hữu ích đối với hoạt động học của người học.
- giáo viên biết nhận xét, đánh giá, biết tìm ra những nguyên nhân gây khó khăn cho người học và cách giải quyết những nguyên nhân đó bằng những can thiệp sư phạm hiệu quả nhất là trong điều kiện lớp học đông, trình độ người học không đồng đều.

Cấu trúc:

Số buổi lên lớp: 03

Tỷ lệ lý thuyết và thực hành: 50/50

Phương pháp giảng dạy: Giáo viên hoạt động qua nhóm là chủ yếu, tranh luận, chia sẻ kinh nghiệm và cùng đề xuất giải pháp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung chi tiết:

Chủ đề	Thời lượng	Nội dung
01	2 giờ	Vai trò và phương pháp quản lý lớp học trong dạy và học ngoại ngữ <ul style="list-style-type: none">• Quản lý lớp học là gì?• Tại sao chúng ta cần quan tâm đến vấn đề quản lý lớp học?• Quản lý lớp học bao gồm những vấn đề gì?• Làm việc với những học sinh không hứng thú học
02	4 giờ	Những can thiệp chính của giáo viên <ul style="list-style-type: none">• Ngôn ngữ dạy trên lớp của giáo viên• Kỹ năng hỏi đáp• Các kỹ thuật gọi câu trả lời của học sinh
03	4 giờ	Tổ chức trao đổi bằng tiếng Anh <ul style="list-style-type: none">• Các loại trao đổi trong lớp học• Các chiến lược tổ chức nhóm hoạt động• Cung cấp phản hồi tích cực và sửa lỗi

Phương pháp kiểm tra:

Giáo viên sẽ được đánh giá qua các bài tập giải quyết vấn đề cùng với bài viết mang tính chiêm nghiệm về kết quả học tập của họ.

4.4.5. Mô-đun 5: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học ngoại ngữ

Mục đích

Người học có thể nắm được các nguyên tắc và kỹ thuật từ cơ bản đến nâng cao trong khai thác ứng dụng công nghệ nhằm đáp ứng các một số nhu cầu phổ biến trong hoạt động dạy-học ngoại ngữ tại các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngoại ngữ. Ba trong số những nhu cầu trên là: ứng dụng công nghệ trong dạy-học và kiểm tra đánh giá các kỹ năng thực hành tiếng trên lớp; ứng dụng công nghệ trong phát triển học liệu giảng dạy; ứng dụng công nghệ trong quản lý học liệu giảng dạy.

Cấu trúc

Số lượng chủ đề: 03

Tỷ lệ lý thuyết / thực hành: 30/70

Hình thức học tập: Báo cáo viên giới thiệu những nội dung trọng tâm kèm theo minh họa bằng hình ảnh hoặc video ghi hình các thao tác trên máy tính; người học thực hành theo nhóm.

Nội dung

Chủ đề	Thời gian	Nội dung trọng tâm
1. Công nghệ trong dạy-học kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ	5 giờ	<ol style="list-style-type: none">1. Xử lý học liệu nghe nhìn2. Powerpoint trong dạy-học kỹ năng giao tiếp3. Thiết kế câu hỏi trắc nghiệm tương tác tự động <p>Người học có thể nắm được các kỹ thuật cơ bản trong khai thác hiệu quả các học liệu nghe nhìn điện tử sẵn có (từ Internet, CD, VCD...), biên tập chỉnh sửa phục vụ công tác giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt trong dạy-học thực hành tiếng. Người học cũng có thể tự tạo và biên tập các học liệu nghe nhìn thông qua kỹ thuật thu âm, ghi hình, chụp ảnh, vẽ tranh bằng các công cụ công nghệ thông tin đơn giản.</p> <p>Người học có thể nắm được các kỹ thuật từ cơ bản đến nâng cao trong khai thác ứng dụng Powerpoint vào dạy-học thực hành tiếng trên lớp.</p>

		Người học có thể nắm được các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá, đặc biệt thông qua hình thức trắc nghiệm khách quan bằng công cụ công nghệ thông tin.
2. Công nghệ trong phát triển học liệu giảng dạy	2 giờ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet 2. Tiêu chí đánh giá nguồn thông tin trên Internet 3. Giới thiệu một số trang web hữu ích trong dạy-học ngoại ngữ <p>Người học có thể nắm được các nguyên tắc và kỹ thuật từ cơ bản đến nâng cao trong tìm kiếm nguồn học liệu điện tử trên Internet thông qua các công cụ tìm kiếm phổ biến (search engine). Đồng thời, người học có thể nắm được các tiêu chí đánh giá về độ tin cậy của các nguồn thông tin sưu tầm được từ Internet.</p> <p>Người học được cung cấp danh mục một số trang web hữu ích cho giảng viên ngoại ngữ.</p>
3. Công nghệ trong quản lý học liệu giảng dạy	3 giờ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu một số hệ thống quản lý dạy-học trực tuyến 2. Ứng dụng Google Drive và Google Sites trong quản lý học liệu giảng dạy <p>Người học tìm hiểu các hệ thống quản lý dạy-học trực tuyến phổ biến, nắm được các nguyên lý cơ bản trong tổ chức đào tạo trực tuyến thông qua các hệ thống này.</p> <p>Người học có thể nắm được các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong khai thác Google drive và Google sites trong quản lý học liệu giảng dạy trực tuyến qua Internet.</p>

Kiểm tra Đánh giá

Kết quả học tập của người học được đánh giá dựa trên hai đầu điểm:

+ Điểm đánh giá thường xuyên (60%): người học làm bài thực hành theo nhóm sau mỗi chủ đề, gồm: (1) thiết kế các trang trình chiếu hỗ trợ nghe nhìn trong một giờ dạy thực hành Nghe hiểu, (2) tìm kiếm nguồn học liệu theo yêu cầu kèm theo đánh giá độ tin cậy của nguồn học liệu tìm được, (3) thiết kế một trang web trên google sites, trên đó đăng tải học liệu giảng dạy và tổ chức các học động học tập liên quan.

+ Điểm kiểm tra cuối khóa (40%): người học làm bài viết cuối khóa về một chủ đề liên quan đến việc khai thác ứng dụng công nghệ đáp ứng một nhu cầu thực tế trong dạy-học ngoại ngữ tại cơ sở đào tạo của người học.

PHẦN 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

5.1. Tài liệu tham khảo chung

- Ball, D. L., & Cohen, D. K. (1999). Developing practice, developing practitioners: Toward a practice-based theory of professional education. In G. Sykes & L. Darling-Hammond (Eds.), *Teaching as the learning profession: Handbook of policy and practice*. (pp. 3-32). San Francisco: Jossey-Bass.
- Darling-Hammond, L. & J. Bransford (2005) (Eds.), *Preparing teachers for a changing world: What teachers should learn and be able to do* (1st ed., pp. 1-39). San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Dudzik, D. & Tran T.Q.L. (2012) *Improving Vietnam's English language teacher education curriculum*. Paper presented at 8th Annual CamTESOL Conference on English Language Teaching, 25-26 February, 2012, Phnom Penh, Cambodia.
- Grossman, P., Smagorinsky, P., & Valencia, S. (1999). Appropriating tools for teaching English: A theoretical framework for research on learning to teach. *American Journal of Education*, 108(1), 1-29.
- Hatano, G., & Inagaki, K. (1986). Two courses of expertise. In H. Stevenson, H. Azuma, & K. Hakuta (Eds.) *Child development and education in Japan*, pp. 262-272.
- Holyoak, K. J. (1991) Symbolic Connectionism: Toward third-generation theories of expertise. In K. A. Ericsson & J. Smith (Eds.) *Toward a General Theory of Expertise: Prospects and Limits*. Cambridge, UK: Cambridge University Press, pp. 301-335.
- Kolb, D. (1984). *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Lave, J. & Wenger, E. (1991) *Situated Learning. Legitimate peripheral participation*. Cambridge: University of Cambridge Press.
- Morrison, G. R., Ross, S. M., Kemp, J. E., & Kalman, H. (2010) *Designing Effective Instruction*, 6th Edition. US: John Wiley & Sons.
- National Foreign Language Project 2020 (2013) *Vietnam's in-service English teacher competency framework: Guidelines for professional practice*.
- Newell, G., & Connors, S. (2011, April). 'Why do you think that?' A supervisor's mediation of a preservice English teacher's understanding of instructional scaffolding. *English Education*, 43(3), 219-224.

Richards, J.C. & Farrell T.S.C. (2011) *Practice teaching: A reflective approach*. Cambridge: Cambridge University Press.

5.2. Tài liệu tham khảo Mô-đun 1

Renaud, S., Tannenbaum, E., & Stantial, P. (2007). Student-centred teaching in large classes with limited resources. *English Teaching Forum*, 3, pp. 12-34.

5.3. Tài liệu tham khảo Mô-đun 2

Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge: Cambridge University Press.

Nation, I. S. P., & Webb, S. (2011). *Researching and analyzing vocabulary*. Boston, MA: Heinle.

Nuttal, C. (2005). *Teaching reading skills in a foreign language*. Australia: Macmillan Education Australia.

5.4. Tài liệu tham khảo Mô-đun 3

Gabrielatos, C. 2004. The Coursebook as a Flexible Tool Materials Evaluation and Adaptation. *IIATEFL Teacher Trainers and Educators SIG Newsletter*, Issue 1/2004 (March), pp. 28-31.

Spatt, M. Pulverness, A. & Williams, M. (2005) *The TKT Course*. London: Cambridge University Press.

Thornbury, S. & Watkins, P. (2008) *The CELTA Course*. Cambridge: Cambridge University Press.

5.5. Tài liệu tham khảo Mô-đun 4

Harmer, J. (1991). *The practice of English language teaching* (new edition) - Chapter 11, pp. 235-254. New York: Longman

Sprat, M., Pulverness, A., & Williams, M. (2005). *The TKT course*. Module 3, Part 2, pp. 145-156. Cambridge: Cambridge University in collaboration with Cambridge ESOL.

Ur, P. (1996). A course in language teaching: Practice and theory. Part IV, pp. 212-316. Cambridge: Cambridge University Press.

5.6. Tài liệu tham khảo Mô-đun 5

<http://www.internetdownloadmanager.com/>

<http://www.orbitdownloader.com/Download-All-in-FireFox.htm>

http://portables.about.com/od/newsandviews/ss/how-to-rip-with-WMP_5.htm

<http://www.edudemic.com/2012/10/the-20-best-learning-management-systems/>

<http://searchcio.techtarget.com/definition/learning-management-system>

<https://support.google.com>